

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH EB CẦN THƠ

TAI HEO CHUA NGỌT

Số: PR_005/CT/2019



Địa chỉ: LÔ SỐ 1, KDC.HƯNG PHÚ 1, P.HƯNG PHÚ, Q.CÁI RĂNG,TP.CẦN THƠ

Điện thoại: (0292) 3737575

Fax:.. (0292) 3737474

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: PR_005/CT/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức:

CÔNG TY TNHH EB CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô số 1, khu dân cư Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Điện thoại:

0292 3737575

E-mail:

customer.care@bigc-vietnam.com

Mã số doanh nghiệp:

1801210593

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

29/GCNATTP-SCT, cấp ngày 02/10/2018 tại thành phố Cần Thơ

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

TAI HEO CHUA NGOT

2. Thành phần: Tai heo ($\geq 50\%$), nước, giấm, đường, tỏi, ớt, muối i-ốt.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh hỗn hợp: 450 g – Khối lượng tai heo: 230 g
- Khối lượng tịnh hỗn hợp: 750 g – Khối lượng tai heo: 430 g
- Khối lượng tịnh hỗn hợp: 1,5 kg – Khối lượng tai heo: 900 g

hoặc tùy theo nhu cầu của khách hàng

Chất liệu bao bì: Hũ nhựa PET.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa cho phép
1.	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,05
2.	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,1

2. Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-3:2012/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn cho phép (CFU/g)	
		n	c	m	M
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	5	2	5×10^5	5×10^6
2.	<i>Escherichia coli</i>	5	2	5×10^1	5×10^2

Stt	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn cho phép (CFU/g)	
		n	c	m	M
3.	Salmonella	5	2	Không phát hiện (/25g)	

Trong đó:

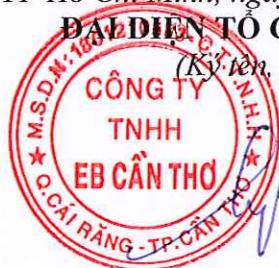
- n: số mẫu cần lấy từ lô hàng để kiểm nghiệm.
- c: số mẫu tối đa cho phép có kết quả kiểm nghiệm nằm giữa m và M. Trong n mẫu kiểm nghiệm được phép có tối đa c mẫu cho kết quả kiểm nghiệm nằm giữa m và M.
- m: giới hạn dưới, nếu trong n mẫu kiểm nghiệm tất cả kết quả không vượt quá giá trị m là đạt.
- M: giới hạn trên, nếu trong n mẫu kiểm nghiệm chỉ cần một mẫu cho kết quả vượt quá giá trị M là không đạt.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Hồ Quang Kiều
Giám đốc siêu thị

ĐÍNH KÈM :

DỰ THẢO NHÃN

TAI HEO CHUA NGỌT

Đậm đà – Tươi ngon

Thành phần: Tai heo ($\geq 50\%$), nước, giấm, đường, tỏi, ớt, muối i-ốt

HDSD: Dùng ngay hoặc chế biến tùy thích.

HDBQ: Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản trong tủ lạnh sau khi mở bao bì

Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng

Hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất:

Khối lượng tịnh hỗn hợp:

Khối lượng tai heo:

Số tự CBSP: PR_005/CT/2019

Sản phẩm của Công Ty TNHH EB Cần Thơ, Lô số 1, KDC. Hưng Phú 1, P. Hưng Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Số/ No.: FL2111

Mã số mẫu/ Sample code: 181221032

Ngày/ Date: 31/12/2018

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST REPORT

Khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH EB CẦN THƠ
Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp/ Sample information provided by customer : Tai heo chua ngọt
Mô tả mẫu/ Sample description : Tai heo chua ngọt đựng trong hũ nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/12/2018
Thời gian thử nghiệm/ Testing period : 22/12/2018 - 27/12/2018

STT/ No.	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Method
1	Total Plate count (30°C) (*)	CFU/g	4.9 x 10 ³	ISO 4833-1: 2013
2	<i>Escherichia coli</i> (*)	/g	ND	ISO 7251: 2005
3	<i>Salmonella</i> spp. (*)	/25g	ND	ISO 6579-1:2017
4	Cd (**)	mg/kg	ND (LOD=0.05)	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)
5	Pb (**)	mg/kg	ND (LOD=0.05)	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample
- Các mẫu sau khi phân tích sẽ được thanh lý trong vòng 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả/ All tested samples shall be disposed at the expiration of a period of 10 days from the day of issue testing report
- ND: Không phát hiện/ Not detected; Pos: Dương tính/ Positive
- (*): Chỉ tiêu đã được công nhận Vilas/ Parameters were accredited by Vilas
- (**): Gửi nhà thầu phụ/ Use subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of quantitation

Phụ trách phòng thử nghiệm/ Authorized laboratory representative

Đại diện Viacimex/ On behalf of Viacimex

Nguyễn Như Thủy



Nguyễn Như Thủy

**GIÁM ĐỐC
Trần Thị Liên**